

Số: 08 /BC-ĐDBQH

Hung Yên, ngày 02 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT
“Việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số
51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình,
sách giáo khoa giáo dục phổ thông”

Kính gửi: Đoàn giám sát Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Thực hiện Nghị quyết số 581/NQ-UBTVQH15 ngày 29/8/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Đoàn giám sát; Kế hoạch số 59/KH-ĐGS ngày 11/10/2022 của Đoàn giám sát (ĐGS) của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giám sát chuyên đề “Việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông”; trên cơ sở giám sát qua báo cáo và giám sát trực tiếp tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, Đoàn ĐBQH tỉnh Hưng Yên tổng hợp báo cáo kết quả giám sát như sau:

PHẦN I

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 88/2014/QH13
VÀ NGHỊ QUYẾT 51/2017/QH14 CỦA QUỐC HỘI VỀ ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH,
SÁCH GIÁO KHOA GIÁO DỤC PHỔ THÔNG TẠI ĐỊA PHƯƠNG

I. Đánh giá việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông trong giai đoạn 2014-2022

1. Đối với các văn bản quy phạm pháp luật Quốc hội, Chính phủ, các bộ, cơ quan Trung ương

Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông trong giai đoạn 2014-2022 đã được Quốc hội, Chính phủ, các bộ, cơ quan Trung ương ban hành đầy đủ, kịp thời. Quy chế, quy trình biên soạn chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, chương trình các môn học và hoạt động giáo dục được ban hành theo Luật định, tương đối đầy đủ, khoa học.

2. Đối với các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh

Căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Chính phủ, các bộ, cơ quan Trung ương để triển khai Nghị quyết 88, Nghị quyết 51, Tỉnh ủy đã xây dựng và ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết trung ương 8

khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, các Nghị quyết về Chương trình phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. UBND tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành phối hợp với Sở GD&ĐT tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các Nghị quyết: Nghị quyết số 214/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 Quy định mức chi tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Nghị quyết số 215/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 Quy định nội dung, mức chi cho việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật trên đã tạo hành lang pháp lý để các cơ sở giáo dục thuận lợi trong việc thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới.

(Chi tiết các văn bản tại Phụ lục số 1 kèm theo)

II. Kết quả giám sát theo thẩm quyền về việc thực hiện Nghị quyết 88/QH13 và Nghị quyết 51/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông tại địa phương

1. Kết quả giám sát của Đoàn ĐBQH tỉnh

1.1. Đánh giá việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018

a) Đánh giá về Chương trình

- Tính phù hợp về mục tiêu, yêu cầu đổi mới

+ *Về mục tiêu giáo dục:* Chương trình TGDPT 2018 tiếp tục được xây dựng trên quan điểm coi mục tiêu giáo dục phổ thông là giáo dục con người toàn diện, giúp học sinh phát triển hài hòa về đức, trí, thể, mỹ.

+ *Về phương châm giáo dục:* Chương trình GDPT 2018 kế thừa các nguyên lý giáo dục nền tảng như “Học đi đôi với hành”, “Lí luận gắn liền với thực tiễn”, “Giáo dục ở nhà trường kết hợp với giáo dục ở gia đình và xã hội”.

+ *Về nội dung giáo dục:* bên cạnh một số kiến thức được cập nhật để phù hợp với những thành tựu mới của khoa học - công nghệ và định hướng mới của chương trình, kiến thức nền tảng của các môn học trong Chương trình GDPT 2018 chủ yếu là những kiến thức cốt lõi, tương đối ổn định trong các lĩnh vực tri thức của nhân loại, được kế thừa từ Chương trình GDPT 2006 nhưng được tổ chức lại để giúp học sinh phát triển phẩm chất và năng lực một cách hiệu quả hơn.

+ *Về hệ thống môn học:* trong Chương trình GDPT 2018 có một số môn học và hoạt động giáo dục mới hoặc mang tên mới là: Âm nhạc, Mĩ thuật, Giáo dục kinh tế và pháp luật ở cấp THPT; hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở các cấp THCS, THPT; Hoạt động trải nghiệm, Tin học, Công nghệ, Giáo dục thể chất ở cấp tiểu học.

+ *Về phương pháp giáo dục*: Chương trình GDPT 2018 định hướng phát huy tính tích cực của học sinh, khắc phục nhược điểm của phương pháp truyền thụ một chiều. Từ nhiều năm nay, tỉnh Hưng Yên đã phổ biến và chỉ đạo Sở GD&ĐT hướng dẫn áp dụng nhiều phương pháp giáo dục mới (*phương pháp dạy học tích cực, kỹ thuật dạy học tích cực như phương pháp bàn tay nặn bột, nội dung giáo dục STEM,..*). Do đó, hầu hết giáo viên các cấp học đã được làm quen, nhiều giáo viên đã vận dụng thành thạo các phương pháp giáo dục mới.

- Tính khả thi

Thuận lợi: Tỉnh ủy, UBND tỉnh, cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp luôn quan tâm, chăm lo cho sự nghiệp Giáo dục bằng việc xây dựng và ban hành các Chương trình, Đề án để phát triển giáo dục, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị trường học. Ngành GD&ĐT Hưng Yên là một trong những tỉnh đi đầu trong phong trào đổi mới dạy học và kiểm tra đánh giá; đội ngũ giáo viên có trình độ, năng lực tốt, tâm huyết, nhiệt tình, đoàn kết, có ý thức tổ chức kỷ luật cao. Bên cạnh đó, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy học của các nhà trường ở các cấp học luôn được quan tâm đầu tư theo hướng hiện đại hóa, phù hợp với xu hướng giáo dục phát triển phẩm chất và năng lực người học. Công tác tuyên truyền tới nhân dân về những chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về giáo dục luôn được quan tâm; cha mẹ học sinh và các lực lượng xã hội ủng hộ, quan tâm, chăm lo cho sự nghiệp giáo dục.

Khó khăn: tỷ lệ giáo viên/lớp còn thiếu so với quy định ở tất cả các cấp học; một số giáo viên trẻ đã nghỉ việc và một số giáo viên cao tuổi còn hạn chế về năng lực giảng dạy, nhất là ứng dụng công nghệ thông tin. Cơ sở vật chất ở một số đơn vị còn thiếu phòng học, tập trung ở cấp học mầm non và tiểu học. Một số trường tiểu học, THCS diện tích khuôn viên, sân chơi, bãi tập còn hẹp so với yêu cầu, phòng học diện tích còn nhỏ hẹp và một số phòng bộ môn và trang thiết bị chưa đáp ứng được công tác giảng dạy, đặc biệt Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

+ Mức độ phù hợp với điều kiện của địa phương, điều kiện cụ thể của các cơ sở giáo dục trên địa bàn: Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cơ bản phù hợp với điều kiện của địa phương, điều kiện cụ thể của các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện và phù hợp với khả năng tiếp thu của các đối tượng học sinh.

+ Tính phù hợp với khả năng tiếp thu của các đối tượng học sinh: Chương trình giáo dục phổ thông mới kế thừa các nguyên lý giáo dục nền tảng như “Học đi đôi với hành”, “Lí luận gắn liền với thực tiễn”, “Giáo dục ở nhà trường kết hợp với giáo dục ở gia đình và xã hội”, chủ yếu là những kiến thức cốt lõi, tương đối ổn định trong các lĩnh vực tri thức của nhân loại, được kế thừa từ Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, nhưng được tổ chức lại để giúp học sinh phát triển phẩm chất và năng lực một cách hiệu quả hơn, do đó tương đối phù hợp với khả năng tiếp thu của các đối tượng học sinh.

b) *Về triển khai Chương trình*

+ Việc xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục của các cơ sở giáo dục

Sau khi Bộ GD&ĐT ban hành các Công văn: số 5842/BGDĐT-GDTrH ngày 01/9/2011 về hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học GDPT; số 791/BGDĐT-GDTrH ngày 25/6/2013 về hướng dẫn thí điểm phát triển Chương trình giáo dục nhà trường phổ thông; số 4612/BGDĐT-GDTrH ngày 03/10/2017 về hướng dẫn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh; UBND tỉnh hành Quyết định số 995/QĐ-CTUBND ngày 27/6/2014 về việc thành lập Ban Chỉ đạo đổi mới giáo dục và đào tạo tỉnh Hưng Yên, Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 25/10/2019 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; đồng thời chỉ đạo các sở, ban, ngành liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phối hợp với Sở GD&ĐT triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018, bắt đầu từ năm học 2020-2021.

Sở GD&ĐT, cơ quan thường trực được UBND tỉnh giao nhiệm vụ đã tổ chức triển khai các hoạt động chuyên môn để thực hiện Chương trình GDPT 2018 một cách hiệu quả, cụ thể: tổ chức Hội nghị triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018 với đại diện Sở GD&ĐT, UBND tỉnh, lãnh đạo Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Báo Hưng Yên; lãnh đạo và đại diện các phòng chức năng cơ quan Sở; lãnh đạo Phòng GD&ĐT các huyện, thị xã, thành phố; Hiệu trưởng các trường tiểu học, THPT và đại diện lãnh đạo một số trường THCS. Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng cho CBQL, GV cốt cán, đại trà các cơ sở giáo dục về đổi mới hình thức, phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực nhằm đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông 2018. Sở GD&ĐT chọn lựa đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên cốt cán các môn học tham dự các lớp tập huấn do Bộ GD&ĐT tổ chức để làm nòng cốt trong việc bồi dưỡng tại địa phương.

Việc thực hiện xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường: hằng năm, theo chỉ đạo của UBND tỉnh và thực hiện Chỉ thị nhiệm vụ năm học của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở GD&ĐT chỉ đạo Phòng GD&ĐT các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn và giao quyền chủ động cho các trường trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, đảm bảo yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với các lớp 1, 2, 3, 6, 7, 10 một cách linh hoạt, phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường; phát huy tính chủ động, sáng tạo của tổ chuyên môn và giáo viên trong việc thực hiện chương trình; khai thác, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu thực hiện các hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Các cơ sở giáo dục đã chủ động xây dựng kế hoạch dạy học các môn học phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị, đảm bảo tính khoa học, sư phạm, không gây áp lực với học sinh, vừa đảm bảo yêu cầu chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục phổ thông. Kế hoạch giáo dục của các nhà trường đảm bảo thống nhất giữa kế hoạch thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và kế hoạch thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2006, tích hợp lồng ghép các nội dung dạy học với các hoạt động trải nghiệm khác để tăng cường giáo dục kỹ năng sống cho học sinh đảm bảo mục tiêu hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực học sinh. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục chú trọng tổ chức sinh hoạt

chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, tổ chức các hội thảo trao đổi về tổ chức dạy học theo Chương trình GDPT 2018; đánh giá, rút kinh nghiệm trong quá trình dạy học và điều chỉnh kịp thời kế hoạch dạy học phù hợp với thực tế nhà trường.

+ Việc đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá

Nhìn chung các nhà trường, tổ/nhóm chuyên môn đều xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh phù hợp với kế hoạch giáo dục từng môn học, hoạt động giáo dục theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh. Chất lượng câu hỏi trắc nghiệm khách quan và tự luận trong đề kiểm tra định kỳ của các cơ sở giáo dục được cải thiện. Việc đánh giá học sinh được đổi mới trên cơ sở định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh. Hình thức đánh giá được tiến hành theo nhiều cách, nhiều kênh: đánh giá qua các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, vở học tập; đánh giá qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập, nghiên cứu KHKT, báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; đánh giá qua bài thuyết trình... về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập đồng thời sử dụng kết quả thay thế cho cách đánh giá truyền thống. Các sản phẩm nghiên cứu của học sinh được xem là một trong những kết quả học tập để đánh giá học sinh trong việc vận dụng kiến thức đã học.

Việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ cho học sinh được các nhà trường thực hiện đúng quy định; đảm bảo khách quan, chính xác, công bằng; kiểm tra cả về kiến thức, kỹ năng và yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực đối với học sinh. Học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3 thực hiện đánh giá theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT; học sinh lớp 4, lớp 5 thực hiện đánh giá theo quy định tại Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 và Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đối với cấp trung học thực hiện theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011, Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ GD&ĐT. Các lớp học theo Chương trình GDPT 2018 thực hiện theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Việc đổi mới phương pháp dạy học

Các đơn vị giáo dục trên địa bàn tỉnh đã chủ động, tích cực đổi mới hình thức tổ chức dạy học, áp dụng các phương pháp dạy học tích cực, mô hình tiên tiến như: Mô hình trường học mới Việt Nam, áp dụng phương pháp “Bàn tay nặn bột” vào một số môn học. Việc đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học đã đạt được hiệu quả cao góp phần tích cực vào việc dạy học phát triển phẩm chất, năng lực người học.

Từ năm học 2014-2015, các nhà trường, các Phòng GD&ĐT chỉ đạo giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học các bài học theo định hướng phát triển năng lực; tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, rèn luyện phương pháp tự học và vận dụng kiến thức, kỹ năng của học sinh; đẩy mạnh việc vận dụng dạy học giải quyết vấn đề, các phương

pháp thực hành, dạy học theo dự án trong các môn học; tích cực ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với nội dung bài học; hình thức dạy học không chỉ được tổ chức trong trường lớp mà còn mở rộng ở nhà, cơ sở sản xuất, kinh doanh, tại di sản văn hóa và cộng đồng. Việc dạy học theo chuyên đề, dạy học tích hợp, giáo dục STEM, hoạt động trải nghiệm sáng tạo và quan tâm đến hoạt động nghiên cứu khoa học kỹ thuật của học sinh... được tổ chức dưới nhiều hình thức đã góp phần tạo chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng giáo dục toàn diện.

+ Việc đổi mới về quản trị các cơ sở giáo dục

Tỉnh Hưng Yên tiếp tục triển khai thực hiện đổi mới công tác quản lý trong các cơ sở giáo dục trung học theo quy định tại Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập và Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Tăng cường giao quyền tự chủ cho các nhà trường xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường; trong đó các hoạt động giáo dục được tổ chức thực hiện linh hoạt trong và ngoài giờ lên lớp, trong và ngoài khuôn viên nhà trường. Tập trung đổi mới sinh hoạt chuyên môn của tổ chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học, sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường. Tăng cường các hoạt động dự giờ, rút kinh nghiệm để từng bước hoàn thiện kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục đảm bảo phù hợp với từng đối tượng học sinh và điều kiện của từng cơ sở giáo dục.

Ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng thiết bị dạy học trong đổi mới dạy học và công tác quản lý đổi mới dạy học và kiểm tra đánh giá. Đẩy mạnh sử dụng công nghệ thông tin trong tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn trong các nhà trường; tăng cường chuyển đổi số trong giáo dục, sử dụng hồ sơ điện tử, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử để nâng cao hiệu quả công tác quản lý giáo dục; thực hiện nhập số liệu, khai thác, sử dụng thống nhất dữ liệu toàn ngành về trường, lớp, học sinh, giáo viên, trường chuẩn quốc gia và các thông tin khác trong quản lý, báo cáo.

1.2. Đánh giá sách giáo khoa giáo dục phổ thông và việc xây dựng tài liệu giáo dục của địa phương

a) Đánh giá về sách giáo khoa

- Về chất lượng, nội dung sách giáo khoa giáo dục phổ thông

Bên cạnh một số kiến thức được cập nhật để phù hợp với những thành tựu mới của khoa học - công nghệ và định hướng mới của chương trình, kiến thức nền tảng của các môn học trong Chương trình GDPT 2018 chủ yếu là những kiến thức cốt lõi, tương đối ổn định trong các lĩnh vực tri thức của nhân loại, được kế thừa từ Chương trình GDPT 2006. Sách giáo khoa mới có tính mở tạo điều kiện cho các nhà trường chủ động trong xây dựng và thực hiện kế hoạch phù hợp đảm bảo mục tiêu Chương trình GDPT 2018; đồng thời, đảm bảo tính kế thừa, ngôn ngữ và cách thức thể hiện phù hợp với nhiều nhóm đối tượng học

sinh. Cấu trúc, nội dung đảm bảo tính khoa học, lôgic; hình thức, khổ sách, cỡ chữ, hình ảnh minh họa sinh động phù hợp với đặc thù của các môn học và lứa tuổi học sinh.

Tuy nhiên, do có nhiều bộ sách giáo khoa cho từng môn học của từng lớp học dẫn đến khó khăn, bỡ ngỡ cho phụ huynh học sinh trong việc tiếp cận, mua sách giáo khoa; còn có phụ huynh nhầm lẫn giữa các bộ sách của cùng một môn học mặc dù đã được nhà trường hướng dẫn. Đối với phụ huynh tự nghiên cứu, kèm cặp con em mình học tại nhà, cần nhiều thời gian nghiên cứu, làm quen với sách giáo khoa mới. Đồng thời, giáo viên cần có thời gian trong việc làm quen, nghiên cứu và đưa vào thực hành giảng dạy.

- Sự phù hợp của giá sách giáo khoa đối với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, mức sống của người dân

Hung Yên là tỉnh đã thực hiện tự chủ về tài chính từ năm 2017, là tỉnh thuộc khu vực đồng bằng sông Hồng, giáp với Hà Nội, tỉ lệ hộ nghèo thấp (1,3%), vì vậy giá sách giáo khoa tương đối phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, mức sống của người dân Hưng Yên. Tuy nhiên, trên thực tế, giá sách giáo khoa mới có cao hơn so với giá sách giáo khoa cũ, do đó không ít phụ huynh còn bỡ ngỡ khi mua sách. Còn bộ phận học sinh là con em hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình chính sách, người lao động tỉnh ngoài cư trú làm việc trên địa bàn còn có khó khăn trong việc tiếp cận, mua sách giáo khoa mới.

b) Việc lựa chọn sách giáo khoa

- Việc lựa chọn sách giáo khoa tại Hưng Yên

Căn cứ danh mục các sách giáo khoa các khối lớp được Bộ GD&ĐT phê duyệt, UBND tỉnh chỉ đạo Sở GD&ĐT phối hợp với các nhà xuất bản tổ chức giới thiệu các sách giáo khoa trong danh mục tới 100% các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh bằng hình thức trực tiếp (đối với năm học 2020-2021), hình thức trực tuyến (đối với năm học 2021-2022, 2022-2023). Cung cấp Link truy cập website chứa bản PDF các sách giáo được Bộ GD&ĐT phê duyệt; đồng thời hướng dẫn các cơ sở giáo dục phổ thông căn cứ các Thông tư của Bộ GD&ĐT để thực hiện việc đề xuất, lựa chọn SGK, cụ thể:

Năm học 2020-2021, căn cứ Thông tư số 01/2020/TT-BGDĐT ngày 30/1/2020 Hướng dẫn việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1098/QĐ-UBND ngày 29/4/2020 về Tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa lớp 1 trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm học 2020-2021. Trên cơ sở đó, các trường đã triển khai văn bản tới cán bộ quản lý, giáo viên nghiên cứu, đối chiếu với từng bộ sách; thành lập Hội đồng, tổ chức lựa chọn sách giáo khoa đúng theo quy định, hướng dẫn tại Thông tư.

Năm học 2021-2022, 2022-2023 căn cứ Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT quy định việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông, căn cứ kết quả lựa chọn đề xuất danh mục sách giáo khoa của cơ sở giáo dục phổ thông, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 707/QĐ-UBND ngày

10/3/2021 về Tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông và các Quyết định về việc thành lập Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa các cấp học của tỉnh Hưng Yên. Căn cứ kết quả lựa chọn sách giáo khoa của các Hội đồng, UBND tỉnh Hưng Yên ban hành các Quyết định phê duyệt Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông tỉnh Hưng Yên.

- Khó khăn: việc đọc SGK có tính chuyên môn sâu, cần nhiều thời gian để đọc 1 bản sách, trong khi đó mỗi hội đồng, mỗi môn có nhiều bộ sách phải đọc; nhân lực các phòng chuyên môn còn thiếu, chưa có đầy đủ chuyên môn của các môn học, cấp học.

(Chi tiết về lựa chọn sách giáo khoa tại Phụ lục số 2 đính kèm)

- Việc thực hiện xã hội hóa sách giáo khoa

Việc thực hiện xã hội hóa sách giáo khoa được thực hiện thường xuyên; hằng năm Nhà xuất bản GDVN, các cơ quan, các tổ chức và các trường đều chú trọng việc phát tặng sách cho những học sinh có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn. Theo báo cáo của các cơ sở giáo dục, đến ngày khai giảng, không có học sinh nào phải thiếu sách giáo khoa phục vụ cho học tập.

c) Việc phát hành sách giáo khoa, tài liệu tham khảo trên địa bàn (về phương thức phát hành, tiến độ cung ứng sách, thuận lợi, khó khăn...)

Trên địa bàn tỉnh, Công ty cổ phần phát hành sách và thiết bị trường học Hưng Yên đảm bảo cung cấp kịp thời cho 100% học sinh và giáo viên có đủ sách giáo khoa trước khi bước vào năm học mới. Theo báo cáo của các đơn vị, các nhà trường đăng ký với Công ty cổ phần phát hành sách và thiết bị trường học Hưng Yên và được Công ty vận chuyển về các nhà trường đảm bảo trước khi khai giảng, tất cả học sinh các nhà trường đều có SGK để phục vụ học tập, không còn học sinh nào thiếu sách giáo khoa.

d) Việc xây dựng, biên soạn, thẩm định, in và phát hành tài liệu giáo dục địa phương

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông; Công văn số 1106/BGDĐT-GDTrH ngày 20/3/2019 của Bộ GD&ĐT về việc biên soạn và tổ chức thực hiện nội dung giáo dục địa phương trong chương trình giáo dục phổ thông, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 25/10/2019 về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, Quyết định số 2581/QĐ-UBND ngày 06/11/2019 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban chỉ đạo Biên soạn, thẩm định tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Hưng Yên. Ban chỉ đạo Biên soạn, thẩm định tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Hưng Yên ban hành Kế hoạch số 01/KH-BCĐ ngày 12/11/2019 của Ban Chỉ đạo về việc biên soạn và thẩm định tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Hưng Yên theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018; Quyết định số 02/QĐ-BCĐ ngày 04/12/2019 của Ban Chỉ đạo về việc thành lập Ban biên soạn tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Hưng Yên; Quyết định số 03/QĐ-BCĐ ngày 24/12/2019 của Ban Chỉ đạo về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo biên soạn, thẩm định tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Hưng Yên; Quyết

định số 596/QĐ-UBND ngày 22/02/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Khung chương trình tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Hưng Yên; Quyết định số 05/QĐ-BCĐ ngày 14/9/2020 và Quyết định số 06/QĐ-BCĐ ngày 06/10/2021 của Ban Chỉ đạo về việc kiện toàn Ban biên soạn tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Hưng Yên.

Quá trình biên soạn, thẩm định tài liệu giáo dục địa phương được thực hiện bài bản, chu đáo, huy động sự tham gia của các chuyên gia có kinh nghiệm đã từng tham gia biên soạn sách giáo khoa, các nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, cán bộ quản lý có bề dày kinh nghiệm chuyên môn của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và các sở, ban, ngành có liên quan của tỉnh. Đến nay, việc tổ chức biên soạn tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Hưng Yên đang được thực hiện theo đúng kế hoạch. UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở GD&ĐT tổ chức in ấn tài liệu giáo dục địa phương các lớp 1, 2, 3, 6, 7, 10 (*tài liệu lớp 3, lớp 7, lớp 10 mới được phê duyệt tháng 9, tháng 10 năm 2022*). Tuy nhiên, do khó khăn trong việc xác định giá thành và tổ chức đầu thầu in ấn nên Tài liệu giáo dục địa phương các lớp 2, 3, 6, 7, 10 hiện chưa được phát hành; giáo viên và học sinh tạm thời sử dụng bản pdf để giảng dạy và học tập.

1.3. Đánh giá các điều kiện bảo đảm triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018

a) Về đội ngũ nhà giáo

- Về cơ cấu, số lượng

Toàn tỉnh hiện có 346 trường phổ thông, gồm:

+ 138 trường tiểu học (*137 trường công lập, 01 trường tư thục*);

+ 141 trường trung học cơ sở công lập;

+ 28 trường tiểu học và trung học cơ sở công lập;

+ 35 trường trung học phổ thông (*24 trường công lập, 11 trường tư thục*);

+ 01 trường trung học cơ sở và trung học phổ thông;

+ 03 trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông tư thục.

Toàn tỉnh có 172 cơ sở giáo dục thường xuyên, gồm: 01 trung tâm GDTX cấp tỉnh, 10 trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện (*mỗi huyện, thị xã, thành phố có 01 trung tâm*) và 161 trung tâm học tập cộng đồng (*mỗi xã, phường, thị trấn có 01 trung tâm*).

Năm học 2018-2019: toàn tỉnh có tổng số 9.719 giáo viên của các cấp tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông; trong đó công lập có 9.266 giáo viên, tư thục có 453 giáo viên; thiếu 941 giáo viên so với nhu cầu, tỷ lệ thiếu là 9,2%. Năm học 2019-2020: toàn tỉnh có tổng số 9.997 giáo viên của các cấp tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông; trong đó công lập có 9.429 giáo viên, tư thục có 568 giáo viên; thiếu 968 giáo viên so với nhu cầu, tỷ lệ thiếu là 9,3%. Năm học 2020-2021: toàn tỉnh có tổng số 9.911 giáo viên của các cấp tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông; trong đó công lập có 9.263 giáo viên, tư thục có 648 giáo viên; thiếu 1.210 giáo viên so với nhu cầu, tỷ lệ thiếu là 11,55%. Năm học 2021-2022: toàn tỉnh có tổng số 9.976 giáo viên của các

cấp tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông; trong đó công lập có 9.282 giáo viên, tư thục có 694 giáo viên; thiếu 1.260 giáo viên so với nhu cầu, tỷ lệ thiếu là 12%.

Năm học 2022-2023: tổng số giáo viên các cơ sở giáo dục phổ thông công lập của tỉnh dự kiến được tạm giao là 9.987 giáo viên; trong đó: cấp tiểu học (bao gồm các trường tiểu học, cấp tiểu học trong các trường tiểu học và THCS) có 4.613 giáo viên/3.489 lớp, đạt định mức 1,322 GV/lớp; cấp THCS (bao gồm các trường THCS, cấp THCS trong các trường tiểu học và THCS, trường THCS và THPT) có 3.780 giáo viên/2.082 lớp, đạt định mức 1,81 GV/lớp; cấp THPT (bao gồm các trường THPT, cấp THPT trong trường THCS và THPT) có 1.594 giáo viên/732 lớp, đạt định mức 2,17 GV/lớp. Như vậy, so với quy định về định mức biên chế giáo viên/lớp của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với cấp Tiểu học là 1,5 GV/lớp, cấp THCS là 1,9 GV/lớp và cấp THPT là 2,25 GV/lớp thì tỷ lệ giáo viên trên lớp ở các cấp học của tỉnh còn thấp; đây là một khó khăn lớn đối với ngành GD&ĐT tỉnh Hưng Yên. Tổng số giáo viên hiện có còn thiếu so với định mức cho năm học 2022-2023 là 850 GV, trong đó tiểu học: 3.489 lớp cần 5.234 GV, dự kiến được tạm giao 4.613 nên thiếu 621 GV; THCS: 2.082 lớp cần 3.956 giáo viên, hiện có 3.780 nên thiếu 176 GV; THPT: 732 lớp cần 1.647 giáo viên, hiện có 1.594 nên thiếu 53 GV.

(Chi tiết đội ngũ giáo viên tại Phụ lục số 3 đính kèm)

Dự báo nhu cầu đối với năm học 2024-2025 đối với giáo dục phổ thông. Theo lộ trình thực hiện Chương trình GDPT 2018, đến năm học 2024-2025 thực hiện đối với lớp 5, lớp 9 và lớp 12. Nhu cầu giáo viên phổ thông cần có như sau:

+ Đối với giáo dục tiểu học: dự kiến đến năm học 2024-2025, giáo dục tiểu học có 111.255 học sinh đến trường học 2 buổi/ngày với 3.604 lớp, nhu cầu giáo viên cần có theo định mức của Bộ GD&ĐT là 5.406 giáo viên. Hiện nay tỉnh có 4.430 giáo viên, như vậy đến năm 2024 nếu không được bổ sung, tỉnh thiếu 976 giáo viên.

+ Đối với trung học cơ sở: trong năm học 2024-2025 dự kiến có 96.066 học sinh với 2.407 lớp; nhu cầu giáo viên cần có theo định mức của Bộ GD&ĐT là 4.573 giáo viên, hiện nay tỉnh có 3.640 giáo viên cấp THCS, như vậy đến năm 2024 nếu không được bổ sung tỉnh thiếu 933 giáo viên.

+ Đối với trung học phổ thông: dự kiến năm học 2024-2025 có 41.100 học sinh với 998 lớp; nhu cầu cần có theo định mức quy định của Bộ GD&ĐT là 2.245 giáo viên, hiện tại tỉnh có 1.932, như vậy đến năm 2024 nếu không được bổ sung tỉnh thiếu 313 giáo viên.

- Về chất lượng đội ngũ giáo viên

* *Chuẩn trình độ*

+ Đối với cấp tiểu học: năm học 2018-2019: tỷ lệ trên chuẩn (đại học và trên đại học) là 60,63%, trong đó trên đại học là 0,74% và tỷ lệ đại học là 59,86%; tỷ lệ đạt chuẩn (trình độ cao đẳng) là 34,56%, tỷ lệ dưới chuẩn (trình độ trung cấp) là 4,84%; Năm học 2019-2020: tỷ lệ trên chuẩn (trên đại học) là

0,75%, tỷ lệ đạt chuẩn (trình độ đại học) là 61,04%, tỷ lệ dưới chuẩn (trình độ cao đẳng và trung cấp) là 38,21%; Năm học 2020-2021: tỷ lệ trên chuẩn (trên đại học) là 1,10%, tỷ lệ đạt chuẩn (trình độ đại học) là 65,16%, tỷ lệ dưới chuẩn (trình độ cao đẳng và trung cấp) là 34,20%; Năm học 2021-2022: tỷ lệ trên chuẩn (trên đại học) là 0,97%, tỷ lệ đạt chuẩn (trình độ đại học) là 77,29%, tỷ lệ dưới chuẩn (trình độ cao đẳng, trung cấp) là 21,74%;

+ Đối với cấp THCS: năm học 2018-2019: tỷ lệ trên chuẩn (đại học và trên đại học) là 73,74%, trong đó trên đại học là 1,08% và tỷ lệ đại học là 72,66%; tỷ lệ đạt chuẩn (trình độ cao đẳng) là 26,13%, tỷ lệ dưới chuẩn (trình độ trung cấp) là 0,05% (2 giáo viên); Năm học 2019-2020: tỷ lệ trên chuẩn (trên đại học) là 1,71%, tỷ lệ đạt chuẩn (trình độ đại học) là 74,36%, tỷ lệ dưới chuẩn (trình độ cao đẳng) là 23,93%; Năm học 2020-2021: tỷ lệ trên chuẩn (trên đại học) là 3,12%, tỷ lệ đạt chuẩn (trình độ đại học) là 76,55%, tỷ lệ dưới chuẩn (trình độ cao đẳng) là 20,23%; Năm học 2021-2022: tỷ lệ trên chuẩn (trên đại học) là 2,47%, tỷ lệ đạt chuẩn (trình độ đại học) là 81,84% tỷ lệ dưới chuẩn (trình độ cao đẳng) là 15,69%;

+ Đối với cấp THPT: đảm bảo đạt chuẩn trình độ được đào tạo theo đúng quy định của Luật Giáo dục năm 2005 và năm 2019. Tỷ lệ giáo viên có trình độ trên chuẩn (trên đại học) là 23,7%.

* Công tác đào tạo

Ngành GD&ĐT Hưng Yên đã chú trọng công tác quán triệt, nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên về Chương trình giáo dục phổ thông, sách giáo khoa mới; đồng thời tích cực chỉ đạo triển khai công tác đào tạo giáo viên nâng trình độ chuẩn được đào tạo và đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT:

+ Đào tạo nâng trình độ chuẩn được đào tạo: thực hiện Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, UBND tỉnh đã ban hành các kế hoạch thực hiện đảm bảo theo lộ trình.

+ Đào tạo đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục: thực hiện Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm; Công văn số 981/BGDĐT-GDĐH ngày 18/3/2022 của Bộ GDĐT về việc rà soát, cung cấp thông tin đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo năm 2022 và đề xuất nhu cầu các năm từ 2023 đến 2025 để triển khai Nghị định số 116/2020/NĐ-CP, UBND tỉnh đã giao Sở GDĐT phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các sở ngành có liên quan tổ chức rà soát nhu cầu đào tạo giáo viên các cấp mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông.

** Công tác tập huấn, bồi dưỡng giáo viên để triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018*

Nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và thực hiện Chương trình GDPT 2018, UBND tỉnh đã giao Sở GDĐT tổ chức tốt việc bồi dưỡng cho cán

bộ quản lý và giáo viên. Việc tập huấn, bồi dưỡng được thực hiện theo các nội dung: bồi dưỡng thường xuyên; bồi dưỡng thực hiện Chương trình GDPT 2018; bồi dưỡng giáo viên dạy Tin học và Công nghệ cấp tiểu học, giáo viên dạy môn Lịch sử và Địa lý, dạy Khoa học tự nhiên cấp trung học cơ sở; tập huấn, bồi dưỡng khác.

- Công tác tuyển dụng, sử dụng đội ngũ giáo viên, hợp đồng lao động

Hàng năm, Sở GD&ĐT và UBND các huyện, thị xã, thành phố đã xây dựng kế hoạch trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch tuyển dụng và tổ chức tuyển dụng giáo viên theo kế hoạch được phê duyệt để kịp thời bổ sung cho các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh, đồng thời thường xuyên rà soát xác định thừa thiếu cục bộ và thực hiện điều động, tăng cường, biệt phái giáo viên đảm bảo công khai, khách quan, phù hợp với thực trạng chung của địa phương và đáp ứng yêu cầu của Chương trình phổ thông 2018.

Để khắc phục tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ ở các cấp học, môn học, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 3128/UBND-NC ngày 07/12/2021 yêu cầu Sở GD&ĐT, UBND các huyện, thị xã, thành phố rà soát vị trí việc làm, số lượng, tiêu chuẩn và cơ cấu giáo viên ở tất cả các cấp học, môn học; xác định cụ thể số lượng, cơ cấu, độ tuổi của giáo viên thừa thiếu ở từng trường, từng cấp học, từng môn học; xây dựng phương án giải quyết phù hợp với từng đối tượng giáo viên; quan tâm giải quyết kịp thời các chế độ, chính sách đối với giáo viên theo quy định; hạn chế tối đa việc giáo viên đi liên hệ chuyển công tác ra ngoài tỉnh; xây dựng phương án sắp xếp, điều chuyển giáo viên tại cơ quan, đơn vị, địa phương (nếu có). Tính đến ngày 01/11/2022, số biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo tại các trường phổ thông công lập chưa sử dụng là 380 người (*trong đó Tiểu học 162, THCS 134, THPT 84*). Năm 2022, tuyển mới được 44 giáo viên (*Tiểu học 10, THCS 34*). Thời gian tới, UBND tỉnh có kế hoạch tiếp tục tuyển dụng hết số giáo viên theo biên chế được giao.

Về hợp đồng giáo viên. Thực hiện Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/7/2020 của Chính phủ về giải pháp đối với biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế. Trên cơ sở số biên chế còn thiếu so với số biên chế được giao, UBND các huyện, thị xã, thành phố và Sở GD&ĐT đã thực hiện ký hợp đồng hoặc giao cho thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập ký hợp đồng lao động để khắc phục khó khăn do thiếu hụt giáo viên, ảnh hưởng đến chất lượng dạy và học. Hiện các đơn vị sự nghiệp giáo dục của tỉnh đang thực hiện hợp đồng 191 giáo viên (*MN: 04 người, TH: 46 người, THCS: 123 người, các trường liên cấp TH&THCS: 16 người, các Trung tâm GDNN-GDTX: 02 người*).

- Việc bố trí giáo viên dạy các môn tích hợp, các môn học mới theo Chương trình GDPT 2018

Sở GD&ĐT đã chỉ đạo các trường Tiểu học, THCS cử giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng giáo viên Tin học và Công nghệ, Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lý theo Kế hoạch của UBND tỉnh. Sau khi giáo viên hoàn thành khóa học, được cấp chứng chỉ, căn cứ vào tình hình đội ngũ giáo viên, các nhà trường đã chủ động xây kế hoạch dạy học, phân công giáo viên giảng dạy các bộ môn

đã được bồi dưỡng ở lớp 3, 6, 7. Hiện tại cơ bản đảm bảo số lượng giáo viên giảng dạy môn học Tin học và Công nghệ ở khối lớp 3 cấp tiểu học; môn Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lý ở khối lớp 6, 7 cấp THCS.

Các trường THPT đã nghiêm túc thực hiện việc xây dựng kế hoạch, sắp xếp tổ hợp các nhóm 4 môn học lựa chọn trong số 9 môn lựa chọn theo chương trình phổ thông 2018 để học sinh được quyền đăng ký ngay từ khi trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10. Năm học 2022-2023, 100% các trường THPT đã tổ chức cho học sinh lựa chọn môn học phù hợp với năng lực học sinh và đáp ứng được nhu cầu của người học.

Tuy nhiên, đối với cấp THPT, các bộ môn Âm nhạc và Mỹ thuật hiện chưa có giáo viên. UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở GD&ĐT phối hợp với Sở Nội vụ sớm tham mưu phê duyệt kế hoạch tuyển dụng giáo viên, trong đó có kế hoạch tuyển dụng đối với hai bộ môn này.

b) Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Về cơ sở vật chất: thực hiện Nghị quyết số 366/NQ-HĐND ngày 29/4/2021 của HĐND tỉnh về việc dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 23/8/2022 về thực hiện Đề án đảm bảo cơ sở vật chất Chương trình giáo dục mầm non và phổ thông trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025. Đến nay cơ sở vật chất, trang thiết bị cơ bản đảm bảo cho việc dạy và học.

+ Về phòng học: toàn tỉnh có 10.009 phòng học (*tăng 165 phòng so với năm 2021*) trong đó phòng học kiên cố cao tầng 9.451 phòng; tiểu học 96,47%, THCS 98,68%, THPT 96,47%. TTGDNN-GDTX 89,86%, cơ bản đảm bảo phòng học cho các cơ sở giáo dục.

+ Về trường chuẩn quốc gia: có 305/347 trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia (tỉ lệ 87,9%), trong đó tiểu học có 134/139 trường đạt 96,4%; THCS có 120/142 trường đạt 84,5%; THPT có 24/35 trường đạt 68,7%; trường phổ thông có nhiều cấp học có 27/31 trường.

(Chi tiết số liệu về cơ sở vật chất tại Phụ lục 4 đính kèm)

- Về trang thiết bị dạy học: trang thiết bị phục vụ cho công tác dạy và học ở các trường phổ thông cơ bản đảm bảo cho việc dạy học và giúp cho học sinh tích cực khám phá, thử nghiệm, sáng tạo trong hoạt động cá nhân hay nhóm một cách vui vẻ theo phương châm “chơi là học” góp phần đổi mới phương pháp, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Giáo viên và học sinh được tiếp cận với các thiết bị dạy học hiện đại, kích thích tính sáng tạo, đổi mới trong dạy và học; tạo hứng thú cho giáo viên và học sinh trong quá trình giảng dạy, học tập, qua đó nâng cao chất lượng dạy và học tại các nhà trường.

Bộ GD&ĐT đã ban hành Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học; Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học cơ sở; Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung

học phổ thông. Tuy nhiên cho đến nay Bộ GD&ĐT vẫn chưa ban hành Thông tư quy định bộ mẫu của thiết bị dạy học tối thiểu nên rất khó khăn trong việc thẩm định giá và trong việc mua sắm thiết bị.

(Chi tiết tại thiết bị dạy học GDPT tại Phụ lục số 5 đính kèm)

1.4. Đánh giá về kinh phí thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông

Tổng kinh phí đầu tư giai đoạn 2015-2022 là 2.419.100 triệu đồng, gồm:

- Kinh phí đào tạo bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục (nguồn NSDP): 51.300 triệu đồng.

- Kinh phí đảm bảo cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non, phổ thông: 2.364.300 triệu đồng, trong đó: ngân sách trung ương: 49.500 triệu đồng. Ngân sách địa phương: 2.163.100 triệu đồng. Nguồn xã hội hóa và các nguồn khác: 151.000 triệu đồng.

(Chi tiết số liệu bố trí kinh phí tại Phụ lục 6 đính kèm)

III. Đánh giá chung

1. Đánh giá về kết quả việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 88 và Nghị quyết số 51 tại địa phương

Kết quả bước đầu, hạn chế, khó khăn, vướng mắc

- Về công tác chỉ đạo và kết quả thực hiện

+ Đã triển khai đầy đủ các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về thực hiện nhiệm vụ năm học; việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018; triển khai kịp thời việc biên soạn, thẩm định tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Hưng Yên lớp 1, 2, 3, 6,7,10; tích cực chỉ đạo các đơn vị xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT; đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất người học; tăng cường việc sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường nhằm nâng cao chất lượng dạy và học trong các đơn vị giáo dục;

+ Tích cực chuẩn bị các điều kiện về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; tăng cường tập huấn, bồi dưỡng đầy đủ, kịp thời đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDPT 2018; khả năng ứng dụng công nghệ thông tin ngày một nâng cao; thực hiện tốt việc đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh; kiểm tra đánh giá theo yêu cầu Chương trình giáo dục phổ thông 2018;

+ Tiếp tục nâng cao chất lượng toàn diện công tác giáo dục đạo đức lối sống cho học sinh, nhất là tăng cường cơ sở vật chất thiết bị dạy học, cũng như cung cấp đầy đủ sách giáo khoa theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Ưu điểm

+ Thực hiện xây dựng mạng lưới trường, lớp và mở rộng quy mô loại hình đào tạo, đáp ứng nhu cầu học tập trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh chỉ đạo tiếp tục thực hiện Quyết định số 2758/QĐ-UBND ngày 23/11/2020 Phê duyệt quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch hành động số 02/KH-UBND ngày 09/01/2020 về Triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020- 2025.

+ Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đã nhận thức đầy đủ về quan điểm, chủ trương đổi mới của Chương trình GDPT 2018, kiên định mục tiêu đổi mới, linh hoạt ở phương pháp triển khai thực hiện tốt công nghệ thông tin trong soạn giảng, sử dụng các phần mềm phục vụ công tác quản lý, giảng dạy, kiểm tra đánh giá học sinh; thường xuyên trao đổi rút kinh nghiệm về phương pháp giảng dạy thông qua dự giờ, sinh hoạt chuyên môn.

+ Các cơ sở giáo dục đã chủ động, linh hoạt, sáng tạo trong thực hiện đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt và tự chủ của nhà trường, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên trong việc thực hiện Chương trình GDPT 2018. Phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ chuyên môn, năng lực của giáo viên trong thực hiện nhiệm vụ năm học. Công tác tập huấn, bồi dưỡng CBQL, giáo viên được thường xuyên chú trọng nhằm nâng cao năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của Chương trình GDPT 2018.

+ Công tác thông tin, truyền thông về Chương trình GDPT 2018 được thực hiện bằng nhiều hình thức, phương tiện khác nhau, mang lại hiệu quả rõ rệt; nhận được sự đồng thuận từ phụ huynh học sinh và xã hội.

- Khó khăn, hạn chế

+ Sau khi sáp nhập, do quy mô số lớp, số học sinh tăng dẫn đến công tác quản lý, điều hành hoạt động của các nhà trường gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện chuyên môn đối với các nhà trường; ảnh hưởng đến việc kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia. Số lượng cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường sau sáp nhập tăng nên việc sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn cũng như sinh hoạt chung gặp rất nhiều khó khăn do cơ sở vật chất chưa đáp ứng kịp thời; một số trường học còn gặp khó khăn trong việc tổ chức các hoạt động tập thể do khoảng cách giữa 2 điểm trường cách xa nhau. Số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập của tỉnh còn thiếu so với quy định về định mức giáo viên/lớp.

+ Do thay đổi về trình độ đào tạo đối với giáo viên khối mầm non và tiểu học theo Luật Giáo dục năm 2019 (cụ thể: giáo viên mầm non phải tốt nghiệp cao đẳng sư phạm mầm non trở lên; giáo viên tiểu học, trung học cơ sở phải tốt nghiệp cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên trở lên), nên nguồn tuyển dụng

đối với 03 cấp học trên còn hạn chế; việc chuyển đổi cơ chế tự chủ tài chính để thực hiện trả lương cho viên chức từ nguồn thu sự nghiệp trong các nhà trường còn chậm nên chưa có cơ sở để thực hiện tuyển dụng viên chức đối với số biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp, dẫn đến tình trạng số biên chế chưa sử dụng còn nhiều, chưa đảm bảo số giáo viên giảng dạy trong các nhà trường.

+ Năm học 2020-2021, 2021-2022, học sinh phải học trực tuyến trong thời gian dài do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên phần nào bị ảnh hưởng đến phương pháp học tập. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học ở một số cơ sở giáo dục còn chưa đồng bộ, việc khai thác sử dụng thiết bị dạy học ở một số nhà trường còn hạn chế. Một số đơn vị trường thiếu phòng học, phòng bộ môn, phòng chức năng, một số công trình phụ trợ của các đơn vị trường xây dựng đã lâu nên xuống cấp.

+ Việc biên soạn tài liệu giáo dục địa phương còn gặp khó khăn trong việc in ấn, phát hành do công tác đấu thầu mất nhiều thời gian, thủ tục... Việc bồi dưỡng các mô đun chủ yếu thông qua hình thức online, ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng bồi dưỡng.

- Nguyên nhân của những kết quả đạt được và tồn tại, hạn chế

+ Nguyên nhân của kết quả đạt được

Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo Sở GD&ĐT và các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng các kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học để thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới, nhất là lớp 2, lớp 6 năm học 2021-2022 được triển khai đúng, trúng, kịp thời các văn bản chỉ đạo của cấp trên; rà soát nhu cầu và có kế hoạch bổ sung đủ thiết bị dạy học tối thiểu đối với lớp 3, lớp 6, lớp 10 và các lớp tiếp theo của chương trình giáo dục phổ thông mới. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tiếp tục được quan tâm tăng cường đầu tư gắn với Chương trình xây dựng nông thôn mới theo hướng kiên cố hóa, chuẩn hóa và hiện đại, xóa bỏ các phòng học 3 ca, phòng học xuống cấp, phòng học tạm, phòng học nhờ, ưu tiên cho xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

+ Nguyên nhân của hạn chế

Việc triển khai tổ chức, sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (*kế toán trường, thư viện - thiết bị,...*) theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập có những ảnh hưởng nhất định đối với việc triển khai Nghị quyết số 88 và Nghị quyết số 51 trên địa bàn tỉnh. Sau hơn 05 năm thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, toàn tỉnh đã sắp xếp kiện toàn giảm 32 trường công lập (*sáp nhập 28 trường TH&THCS; 02 trường THCS; 01 trường THCS&THPT; 01 trường THPT*). UBND tỉnh Hưng Yên đã ban hành Kế hoạch số 180/KH-UBND ngày 10/11/2022 về triển khai thực hiện Phương án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2022. Trong đó đưa ra các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện để đạt được mục tiêu

tiếp tục giảm tối thiểu bình quân toàn tỉnh 2,5% đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2021. Theo kế hoạch, hết năm 2022, tỉnh thực hiện sáp nhập các trường tiểu học và trung học cơ sở trên cùng địa bàn xã, phường, thị trấn.

Chưa có quy định, hướng dẫn việc chuyển đổi cơ chế tài chính đối với các trường mầm non, tiểu học, các trường trung học cơ sở chất lượng cao, trung học phổ thông; chuyển đổi các trường mầm non, trường phổ thông công lập sang ngoài công lập ở những nơi có khả năng xã hội hoá cao để mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu của xã hội, nhất là đối với thành phố, thị xã, thị trấn, khu công nghiệp có dân số tăng nhanh do nhập cư, có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển.

Việc tuyển dụng giáo viên gặp khó khăn do giáo viên mới tốt nghiệp hệ trung cấp, cao đẳng, chưa hoàn thiện trình độ chuyên môn đạt chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục năm 2019.

Về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học ở một số cơ sở giáo dục còn thiếu, chưa đồng bộ, phòng học bộ môn, phòng thực hành tin học của một số nhà trường còn thiếu trang bị phục vụ cho thực hiện Chương trình GDPT 2018. Việc mua sắm thiết bị dạy học, đặc biệt là thiết bị dạy học thực hiện Chương trình GDPT 2018 có thiết bị còn chưa kịp thời.

Việc phát hành tài liệu giáo dục địa phương của tỉnh còn gặp khó khăn do chưa có hướng dẫn của trung ương về tính giá sách giáo khoa làm cơ sở để tỉnh tham khảo trong việc tổ chức đấu thầu in ấn, phát hành sách.

2. Trách nhiệm của các cơ quan Trung ương, địa phương trong việc thực hiện Nghị quyết số 88 và Nghị quyết số 51 của Quốc hội

Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra đánh giá, tổng kết, đưa ra các giải pháp phù hợp để thực hiện. Tiếp tục tăng cường đầu tư kinh phí cho giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới, kinh phí xây dựng, mua sắm trang thiết bị dạy học cho các khu vực khó khăn.

3. Những bài học kinh nghiệm của địa phương trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 88 và Nghị quyết số 51 của Quốc hội

- Nâng cao hiệu quả công tác truyền thông về tổ chức thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới.

- Chú trọng đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo hướng đẩy mạnh phân cấp quản lý, tăng cường quyền tự chủ của giáo viên trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục đi đôi với việc nâng cao năng lực quản trị nhà trường, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở giáo dục.

- Triển khai đầy đủ, kịp thời các văn bản chỉ đạo thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đến các đơn vị, xây dựng kế hoạch theo lộ trình rõ ràng, cụ thể. Thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, đổi mới kiểm tra đánh giá theo yêu cầu của Chương trình GDPT 2018.

- Xây dựng kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng giáo viên về năng lực chuyên môn ngay từ đầu năm học nhằm nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, tư vấn chuyên môn, sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường nhằm định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

PHẦN III GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ

1. Một số giải pháp

Đề xuất các nhóm giải pháp khắc phục để tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các nghị quyết của Quốc hội về việc đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông trong những năm tới:

1.1. Nhóm giải pháp về xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật

- Lấy ý kiến rộng rãi trong việc thực hiện Thông tư 01, 02, 03, 04/2021/TT-GD&ĐT ngày 02/02/2021 của Bộ GD&ĐT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập có hiệu lực từ 20/3/2021, từ đó chỉ đạo các cấp các ngành thực hiện đảm bảo quyền lợi chung của giáo viên các cấp về bổ nhiệm và xếp lương giáo viên.

- Bộ GD&ĐT tiếp tục phối hợp với các Bộ ngành Trung ương và địa phương rà soát, đánh giá đề tham mưu Chính phủ ban hành các cơ chế, chính sách nhằm đảm bảo lộ trình thực hiện Chương trình GDPT 2018 theo Nghị quyết 51. Trong đó, tập trung chuẩn bị về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và những điều kiện đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDPT 2018.

1.2. Nhóm giải pháp về quản lý nhà nước và triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018

Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018 theo lộ trình đề ra; tăng cường công tác kiểm tra, tư vấn giúp đỡ, hỗ trợ các địa phương, đơn vị, nhà trường triển khai thực hiện tốt Chương trình GDPT 2018.

1.3. Nhóm giải pháp về đầu tư nguồn lực cho công tác bảo đảm chất lượng giáo dục phổ thông (con người, tài chính, cơ sở vật chất,...)

Bộ GD&ĐT tiếp tục hướng dẫn các địa phương rà soát, sắp xếp hợp lý mạng lưới cơ sở giáo dục; tổ chức rà soát, đánh giá thực trạng cơ sở vật chất hiện có, trên cơ sở đó điều chỉnh, bố trí, sắp xếp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng; xác định nhu cầu xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo phòng học (bảo đảm 1 lớp/phòng cho cấp tiểu học), bảo đảm đủ điều kiện thực hiện Chương trình GDPT 2018; lập kế hoạch chi tiết cụ thể, tổ chức thực hiện tăng cường cơ sở vật chất, trường, lớp học đáp ứng điều kiện tối thiểu để thực hiện Chương trình GDPT 2018 theo lộ trình quy định tại Nghị quyết 51 của Quốc hội.

Đối với tỉnh Hưng Yên:

- Về việc quản lý giáo viên thừa, thiếu cục bộ giữa các môn học: các đơn vị tiếp tục rà soát, cơ cấu lại đội ngũ giáo viên theo các môn học; xây dựng phương án sắp xếp, điều chuyển giáo viên tại đơn vị, địa phương (nếu có).

- Về việc thu hút tuyển dụng giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học; tỉnh Hưng Yên có kế hoạch ban hành chính sách thu hút của tỉnh theo hướng hỗ trợ một phần sinh hoạt phí cho giáo viên sau khi được tuyển dụng trong một khoảng thời gian nhất định; đồng thời, triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm đối với con em Hưng Yên theo học sư phạm tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài tỉnh theo quy định.

- Về việc bố trí giáo viên trong trường hợp đơn vị chưa có đủ số biên chế được giao: các đơn vị thực hiện việc ký hợp đồng với giáo viên để giảng dạy các môn học theo Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/7/2020 của Chính phủ về giải pháp đối với biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế. Theo đó các đơn vị không thực hiện bố trí giáo viên dạy và trả lương làm thêm giờ mà thực hiện ký hợp đồng với người có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo mức lương tối thiểu vùng theo quy định.

- Về việc bố trí đủ định mức giáo viên/lớp theo quy định của Bộ GD&ĐT: trên cơ sở số giao bổ sung biên chế giáo viên năm học 2022-2023 của Trung ương cho tỉnh, sau khi trừ đi số phải cắt giảm 10% theo lộ trình đến năm 2025, tỉnh sẽ giao cho các đơn vị theo định mức chung về số biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước. Số còn lại để đạt tối đa định mức theo quy định của Bộ GD&ĐT, tỉnh sẽ giao cho các đơn vị trả lương từ nguồn thu sự nghiệp theo quy định. *(Tuy nhiên việc thực hiện cơ sở tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp lĩnh vực giáo dục hiện đang gặp khó khăn do việc tạm dừng thực hiện Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập dẫn đến chưa xác định được giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo nên chưa thể thực hiện giảm số hưởng lương từ nguồn ngân sách nhà nước sang hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp mà phải cắt giảm làm ảnh hưởng đến số lượng người làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập của tỉnh).*

2. Kiến nghị, đề xuất

2.1. Đối với Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Tiếp tục quan tâm, có chính sách phát triển giáo dục và đào tạo, chính sách ưu đãi, tăng lương, phụ cấp đối với đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và đội ngũ nhà giáo, cụ thể: tiếp tục duy trì thâm niên nghề, nâng mức phụ cấp ưu đãi ngành; sớm có lộ trình cải cách tiền lương đối với công chức, viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo.

2.2. Đối với Chính phủ, bộ, cơ quan Trung ương

- Đề nghị Chính phủ bổ sung biên chế giáo viên cho tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023-2026 là 2.252 biên chế giáo viên mầm non và phổ thông công lập còn thiếu so với định mức của năm học 2022-2023 để tỉnh Hưng Yên thực hiện tốt việc đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Đề nghị các bộ, ngành Trung ương sớm ban hành hướng dẫn việc chuyển đổi cơ chế tự chủ về tài chính đối với các cơ sở giáo dục; hướng dẫn thực hiện chuyển đổi các trường mầm non, trường phổ thông công lập ra ngoài công lập ở những nơi có khả năng xã hội hoá cao để mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu của xã hội, nhất là đối với thành phố, thị xã, thị trấn, khu công nghiệp có dân số tăng nhanh do nhập cư, có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển.

- Kiến nghị trong việc thực hiện Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm, đề nghị Chính phủ xem xét, triển khai các giải pháp sau:

Đối với công tác rà soát, xác định nhu cầu đào tạo.

+ Đề nghị Chính phủ giao Bộ GD&ĐT chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan căn cứ thống kê chung trong toàn quốc để xác định nhu cầu giáo viên các cấp, từ đó giao chỉ tiêu đào tạo cho các cơ sở đào tạo giáo viên phù hợp, khoa học hơn;

+ Việc xác định nhu cầu tuyển dụng, giao chỉ tiêu đào tạo gắn với việc giao biên chế giáo viên để đảm bảo vị trí việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp, tránh khủng hoảng thừa/thiếu sinh viên sau khi tốt nghiệp;

+ Đề nghị Chính phủ giao kinh phí hỗ trợ tiền đóng học phí và chi trả chi phí sinh hoạt cho sinh viên trong thời gian học tập cho cơ sở đào tạo sẽ giảm thiểu các thủ tục chi trả hỗ trợ cho sinh viên, các thủ tục liên quan giữa địa phương và cơ sở đào tạo và các ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan;

- Đề nghị Bộ Nội vụ phối hợp với các bộ ngành liên quan nghiên cứu, tham mưu cấp có thẩm quyền tạm thời chưa áp dụng tinh giản biên chế trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

2.3. Đối với Bộ GD&ĐT

- Quan tâm xây dựng chương trình đào tạo giáo viên dạy Khoa học tự nhiên đối với cấp THCS.

- Hướng dẫn tổ chức thực hiện Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục.

- Ban hành Thông tư quy định bộ mẫu của thiết bị dạy học tối thiểu đối với các cấp học.

- Quan tâm, có giải pháp tháo gỡ khó khăn cho công tác in, phát hành tài liệu giáo dục địa phương phục vụ kịp thời cho dạy học nội dung GDĐP ngay từ đầu năm học.

- Bộ GD&ĐT phối hợp với bộ, ngành liên quan có văn bản hướng dẫn công tác xã hội hóa buổi học thứ hai trong ngày đối với cấp tiểu học theo Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/7/2020 của Chính phủ về giải pháp đối với biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế.

2.4. Đối với UBND tỉnh Hưng Yên

- Đề nghị nghiên cứu có văn bản hướng dẫn để tạm dừng việc sáp nhập các trường tiểu học với trường THCS, các trường tiểu học trong cùng một xã, phường mà tổng số lớp của 2 trường sau khi sáp nhập vượt quy định của Điều lệ trường tiểu học (vượt 30 lớp); cần có đánh giá đầy đủ, toàn diện về việc sáp nhập này, đảm bảo sau khi sáp nhập phải tốt hơn khi chưa sáp nhập.

- Tiếp tục quan tâm bố trí ngân sách để đầu tư cơ sở vật chất cho các địa phương đảm bảo thực hiện hiệu quả chương trình GDPT, đặc biệt là Chương trình GDPT 2018.

Trên đây là báo cáo kết quả giám sát chuyên đề “Việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông”. Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Hưng Yên trân trọng báo cáo./. *vt*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; } (Để b/c)
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các vị đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thành viên Đoàn giám sát;
- Các cơ quan, đơn vị được giám sát;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

**TM. ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN PHỤ TRÁCH**



Nguyễn Đại Thắng

QUỐC HỘI KHÓA XV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH HUNG YÊN



PHỤ LỤC 1

VĂN BẢN CHỈ ĐẠO, HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI

“Việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông”

(Kèm theo BC số 08/BC-ĐDBQH ngày 02/01/2023 của Đoàn ĐBQH tỉnh)

STT	Cơ quan ban hành	Số văn bản	Ngày ban hành	Nội dung
I. Tỉnh ủy				
1		30-CTr/TU	20/3/2014	Chương trình hành động số 30-CTr/TU ngày 20/3/2014 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế
2		09-NQ/TU	04/10/2016	Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 04/10/2016 của Tỉnh ủy Hưng Yên
3		12-NQ/TU	08/10/2021	Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 08/10/2021 của Hội nghị lần thứ Mười một Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XIX về Chương trình phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030
II. Hội đồng nhân dân tỉnh				
1		189/NQ-HĐND	26/4/2022	Quy định nội dung chi và mức chi cho công tác chuẩn bị, tổ chức và dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi áp dụng đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh.
2		214/NQ-HĐND	07/7/2022	Quy định mức chi tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện Chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.
3		215/NQ-HĐND	07/7/2022	Quy định nội dung, mức chi cho việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh.
III. Ủy ban nhân dân tỉnh				
1		63/KH-UBND	19/5/2014	Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động (số 30-CTr/TU ngày 20/3/2014) của Tỉnh ủy về đổi mới căn bản, toàn diện

				giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế
2		995/QĐ-CTUBND	27/6/2014	Vv Thành lập Ban Chỉ đạo Đổi mới giáo dục và đào tạo tỉnh Hưng Yên
3		321/KH-UBND	21/12/2016	Kế hoạch số 321/KH-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh Hưng Yên về thực hiện Chương trình phát triển giáo dục và đào tạo Hưng Yên giai đoạn 2016 – 2020, một số định hướng đến năm 2025 của BCH đảng bộ tỉnh khóa VIII
4		132/KH-UBND	25/10/2019	Kế hoạch Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới trên địa bàn tỉnh Hưng Yên
5		27/KH-UBND	15/02/2021	Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 15/02/2021 của UBND tỉnh Hưng Yên về thực hiện Chương trình phát triển giáo dục và đào tạo Hưng Yên giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 của Hội nghị lần thứ 11 BCH đảng bộ tỉnh khóa 19
6		145/KH-UBND	23/8/2022	Kế hoạch thực hiện Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình GDMN và giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2025
7		84/KH-UBND	15/6/2016	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020
8		428/QĐ-UBND	22/02/2016	V/v bổ sung kinh phí cho Sở GDĐT để bồi dưỡng thường xuyên giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở năm 2016
9		1162/QĐ-UBND	17/4/2017	Phê duyệt kế hoạch và kinh phí bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ quản lý, giáo viên năm 2017
10		3168/QĐ-UBND	13/12/2017	Giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2018
11		2887/QĐ	03/12/2018	Quyết định ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2019 tỉnh Hưng Yên.
12		01/KH-UBND	08/01/2020	Kế hoạch thực hiện Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2025” trên địa bàn tỉnh Hưng Yên
13		CV 1367/UBND – KGVX	09/6/2020	Chuẩn bị đội ngũ giáo viên thực hiện chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

14		32/KH-UBND	06/3/2020	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hưng Yên năm 2020
15		58/KH-UBND	13/4/2021	Kế hoạch bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý đại trà cơ sở giáo dục triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.
16		84/KH-UBND	02/6/2021	Kế hoạch thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở giai đoạn 1 (2021-2025).
17		56/KH-UBND	30/3/2022	Kế hoạch đào tạo cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hưng Yên năm 2022
18		50/KH-UBND	23/3/2022	Kế hoạch thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở năm 2022
19		100/KH-UBND	27/5/2022	Kế hoạch bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý năm 2022

QUỐC HỘI KHÓA XV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH HƯNG YÊN

PHỤ LỤC 2

TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN SÁCH GIÁO KHOA TỈNH HƯNG YÊN

(Kèm theo Báo cáo số 08 /BC-ĐDBQH ngày 10/2/2023 của Đoàn ĐBQH tỉnh Hưng Yên)

TT	Môn học/ Hoạt động giáo dục	Số lượng cơ sở giáo dục chọn sử dụng BỘ SÁCH năm 2021 Lớp 2, lớp 6 (Đã mua thực tế)				Số lượng cơ sở giáo dục chọn sử dụng BỘ SÁCH năm 2022 Lớp 3, lớp 7 (Đã mua thực tế)			
		Nhà XB GD Việt Nam (bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nhà XB Giáo dục Việt Nam (bộ sách: Chân trời sáng tạo)	Nhà XB ĐH sư phạm (bộ sách: Cánh Điêu)	Lựa chọn SGK môn Tiếng Anh	Nhà XB GD Việt Nam (bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nhà XB Giáo dục Việt Nam (bộ sách: Chân trời sáng tạo)	Nhà XB ĐH sư phạm (bộ sách: Cánh Điêu)	Lựa chọn SGK môn Tiếng Anh
I	Tiểu học								
1	Môn Toán	168	0	0	0	167	0	1	0
2	Môn Tiếng Việt	168	0	0	0	168	0	0	0
3	Môn Tự nhiên-xã hội	168	0	0	0	168	0	0	0
4	Môn Đạo đức	2	0	166	0	2	1	165	0
5	Môn Giáo dục thể chất	168	0	0	0	166	0	1	0
6	Môn Mỹ thuật	168	0	0	0	166	0	1	0
7	Môn Âm nhạc	2	0	166	0	1	0	153	0
8	Môn Tin học	20	0	0	0	132	0	2	0
9	Môn Công nghệ	55	0	0	0	148	0	1	0
10	Hoạt động trải nghiệm	168	0	0	0	154	0	0	0
11	Tiếng Anh (Macmillan Next Move)	0	0	14	74	0	0	0	102
12	Tiếng Anh (i-Learn Smart Start)	0	0	0	0	0	0	0	15
13	Tiếng Anh (Phonics Smart)	0	0	0	2	0	0	0	0
14	Tiếng Anh (Hoàng Văn Vân)	0	0	0	4	0	0	0	49
II	Trung học cơ sở								
1	Môn Ngữ văn	15	90	67	0	16	89	67	0
2	Môn Toán	157	0	15	0	171	0	1	0

3	Môn Tiếng Anh Global Succses	14	0	0	89	14	0	26	113
4	Môn Tiếng Anh Macmillan Motivate!	0	0	0	48	0	0	0	24
5	Môn Tiếng Anh i-Learn Smart World	0	0	0	19	0	0	0	19
6	Khoa học tự nhiên	154	0	18	0	142	0	30	0
7	Lịch sử và Địa lý	171	0	1	0	171	0	1	0
8	Giáo dục công dân	16	0	156	0	16	0	156	0
9	Âm nhạc	15	15	141	0	15	0	156	0
10	Mĩ thuật	15	155	1	0	15	155	1	0
11	Tin học	171	0	0	0	171	0	0	0
12	Công nghệ	139	15	0	0	154	0	0	0
13	Giáo dục thể chất	171	0	0	0	171	0	0	0
14	Hoạt động TN, HN	60	110	1	0	46	125	1	0

QUỐC HỘI KHÓA XV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH HƯNG YÊN

PHỤ LỤC 2

TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA LỚP 10

(Kèm theo Báo cáo số 08 /BC-ĐDBQH ngày 02/02/2023 của Đoàn ĐBQH tỉnh Hưng Yên)

TT	Môn học/ Hoạt động giáo dục	Chọn sử dụng bộ sách (đã mua thực tế)			
		Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống (1)	Bộ sách: Chân trời sáng tạo (2)	Bộ sách: Cánh Diều (3)	Bộ sách Tiếng Anh (4)
1	Môn Ngữ văn 10	29	0	10	0
2	Môn Toán 10	29	0	10	0
3	Tiếng Anh 10 Global Success	0	0	0	31
4	Tiếng Anh 10 Macmillan Move On	0	0	0	0
5	Tiếng Anh 10 i-Learn Smart World	0	0	0	1
6	Giáo dục thể chất 10: Cầu lông	17	0	9	0
7	Giáo dục thể chất 10: Bóng đá	16	0	6	0
8	Giáo dục thể chất 10: Bóng chuyền	18	3	3	0
9	Giáo dục thể chất 10: Bóng rổ	10	2	5	0
10	Giáo dục thể chất 10: Đá cầu	5	0	10	0
11	Lịch sử 10	24	0	15	0
12	Địa lý 10	25	0	14	0
13	Giáo dục kinh tế và pháp luật 10	27	0	11	0
14	Vật lý 10	28	0	10	0
15	Hóa học 10	26	0	12	0
16	Sinh học 10	24	0	14	0
17	Tin học 10	34	0	3	0
18	Âm nhạc 10	5	1	1	0
19	Mĩ thuật 10	6	1	0	0
20	Công nghệ 10: Thiết kế và Công	21	0	9	0
21	Công nghệ 10: Công nghệ trồng	23	0	10	0
22	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10	10	24	5	0
23	Giáo dục Quốc phòng, An ninh 10	4	0	34	0

QUỐC HỘI KHÓA XV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH HƯNG YÊN

PHỤ LỤC 4: SỐ LIỆU VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT CÁC CẤP HỌC PHỔ THÔNG
(Kèm theo Báo cáo số 18 /BC-ĐDBQH ngày 04 /02/2023 của Đoàn ĐBQH tỉnh Hưng Yên)

*** GIÁO DỤC TIỂU HỌC**

TT	NỘI DUNG	Đơn vị	THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT					Số phòng/nhà, hạng mục... cần bổ sung
			Tổng số a= b+c+d+e	Kiến cố b	Bán kiên cố c	Tạm d	Nhờ, mượn, thuê e	
I	Khối phòng học tập							
1	Phòng học: Chia ra: + Phòng học tại trường chính + Phòng học tại điểm trường	phòng phòng	3.281 3.091	3.205 3.030	54 39	7 7	15 15	260 254
2	Phòng học bộ môn Âm nhạc, Mỹ thuật	phòng	190	175	15	0	0	6
3	Phòng học bộ môn Âm nhạc, Mỹ thuật	phòng	159	150	8	1	0	91
4	Phòng học bộ môn Khoa học-công nghệ	phòng	19	19	0	0	0	97
5	Phòng học bộ môn Tin học	phòng	150	144	5	0	1	36
6	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	phòng	129	125	4	0	0	61
	Phòng đa chức năng	phòng	10	8	2	0	0	108
II	Khối phòng hỗ trợ học tập							
1	Thư viện	phòng	7.029	6.856	97,5			
2	Phòng thiết bị giáo dục	phòng	170	160	10	0	0	15
3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ GDHS khuyết tật học hòa nhập	phòng	158	147	10	1	0	21
4	Phòng Đội Thiếu niên	phòng	25	24	1	0	0	91
5	Phòng truyền thống	phòng	108	107	1	0	0	39
III	Khối hành chính quản trị							
1	Phòng hành chính quản trị	phòng	53	50	3	0	0	80
2	Phòng Kế toán	phòng	514	488	94,9			
3	Phòng Hiệu trưởng	phòng	146	137	9	0	0	4
4	Phòng Phó Hiệu trưởng	phòng	177	165	12	0	0	5
5	Văn phòng	phòng	101	96	5	0	0	30
6	Phòng bảo vệ	phòng	156	114	42	0	0	19

5	Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên	khu	236	190	45	1	0	0	18
6	Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên	khu	170	100	69	1	0	0	12
IV	Khối phụ trợ		986	802	81,3				
1	Phòng họp	phòng	142	134	8	0	0	0	33
2	Phòng Y tế trường học	phòng	148	132	15	1	0	0	21
3	Nhà kho	nhà	77	50	25	2	0	0	59
4	Khu để xe học sinh	khu	190	123	65	2	0	0	22
5	Khu vệ sinh học sinh	khu	303	209	93	1	0	0	41
6	Cộng, hàng rào	hạng mục	146	115	30	1	0	0	22
V	Khu sân chơi, thể dục thể thao		1.006	763	75,8				
1	Sân chơi chung	sân	136	128	8	0	0	0	3
2	Sân thể dục thể thao	sân	80	63	17	0	0	0	51
VI	Khối phục vụ sinh hoạt		216	191	88,4				
1	Nhà bếp	nhà	28	23	5	0	0	0	62
2	Kho bếp	kho	7	7	0	0	0	0	55
3	Nhà ăn	phòng	23	23	0	0	0	0	72
4	Nhà ở nội trú	nhà	0	0	0	0	0	0	53
5	Phòng quản lý học sinh	phòng	0	0	0	0	0	0	57
VII	Các công trình khác		58	53	91,4				
1	Phòng nghỉ giáo viên	phòng	3	3	0	0	0	0	80
2	Phòng giáo viên	phòng	29	29	0	0	0	0	93
3	Nhà đa năng	nhà	4	4	0	0	0	0	75
4	Phòng sinh hoạt chung	nhà	16	14	2	0	0	0	61

*** TRUNG HỌC CƠ SỞ**

TT	NỘI DUNG	Đơn vị	THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT					Số phòng/nhà, hạng mục... cần bổ sung
			Tổng số a= b+c+d+e	Kiến cố b	Bán kiên cố c	Tạm d	Nhờ, mượn, thuê e	
I	Khối phòng học tập							
1	Phòng học:		2.053	2.023	30	0	0	144
	Chia ra: + Phòng học tại trường chính + Phòng học tại điểm trường	phòng phòng	2.053 0	2.023 0	30 0	0 0	0 0	143 1

	2	Phòng học bộ môn Âm nhạc	phòng	66	65	1	0	0	72
	3	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	phòng	37	37	0	0	0	78
	4	Phòng học bộ môn công nghệ	phòng	79	79	0	0	0	54
	5	Phòng học bộ môn Khoa học-Tự nhiên	phòng	270	268	2	0	0	49
	6	Phòng học bộ môn Tin học	phòng	170	167	2	1	0	12
	7	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	phòng	148	148	0	0	0	34
	8	Phòng đa chức năng	phòng	13	13	0	0	0	87
II		Khối phòng hỗ trợ học tập		4.889	4.823	98,7			
	1	Thư viện	phòng	160	154	5	1	0	13
	2	Phòng thiết bị giáo dục	phòng	149	140	5	4	0	28
	3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ GDHS khuyết tật học hòa nhập	phòng	45	41	2	2	0	90
	4	Phòng truyền thống	phòng	103	100	3	0	0	53
	5	Phòng Đoàn, Đội	phòng	136	132	2	2	0	27
III		Khối hành chính quản trị		5.482	5.390	98,3			
	1	Phòng Hiệu trưởng	phòng	164	155	8	1	0	5
	2	Phòng Phó Hiệu trưởng	phòng	162	154	7	1	0	7
	3	Văn phòng	phòng	134	131	3	0	0	35
	4	Phòng bảo vệ	phòng	159	140	19	0	0	15
	5	Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên	khu	199	181	18	0	0	14
	6	Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên	khu	157	128	28	1	0	2
IV		Khối phụ trợ		975	889	91,2			
	1	Phòng hợp toàn thể CB, GV, NV nhà trường	phòng	156	149	7	0	0	11
	2	Phòng các tổ chuyên môn	phòng	278	264	14	0	0	51
	3	Phòng Y tế trường học	phòng	135	127	6	2	0	24
	4	Nhà kho	nhà	79	65	10	4	0	52
	5	Khu để xe học sinh	khu	180	130	50	0	0	11
	6	Khu vệ sinh học sinh	khu	229	212	17	0	0	19
	7	Cộng, hàng rào	hạng mục	160	138	22	0	0	22
V		Khu sân chơi, thể dục thể thao		1.217	1.085	89,2			
	1	Sân chơi chung	sân	158	136	22	0	0	3
	2	Sân thể dục thể thao	sân	118	97	19	2	0	37
VI		Khối phục vụ sinh hoạt		1.493	1.318	88,3			

1	Nhà bếp	nhà	2	2	0	0	0	0	45
2	Kho bếp	kho	4	4	0	0	0	0	44
3	Nhà ăn	phòng	2	2	0	0	0	0	45
4	Nhà ở nội trú học sinh	nhà	0	0	0	0	0	0	44
5	Phòng quản lý học sinh	phòng	6	6	0	0	0	0	46
6	Phòng sinh hoạt chung	phòng	1	1	0	0	0	0	47
VII Hạng mục khác			15	15	100,0				
1	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội	phòng	25	25	0	0	0	0	72
2	Phòng nghi giáo viên	phòng	2	2	0	0	0	0	88
3	Phòng giáo viên	phòng	2	2	0	0	0	0	62
4	Nhà đa năng	nhà	9	9	0	0	0	0	78
5	Nhà văn hóa	nhà	38	38	100,0	0	0	0	49

*** TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**

TT	NỘI DUNG	Đơn vị	THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT					Số phòng/nhà, hạng mục... cần bổ sung
			Tổng số a= b+c+d+e	Kiên cố b	Bán kiên cố c	Tạm d	Nhờ, mượn, thuê e	
I	Khối phòng học tập							
1	Phòng học: Chia ra: + Phòng học tại trường chính + Phòng học tại điểm trường	phòng	768	750	15	3	0	101
2	Phòng học bộ môn Âm nhạc	phòng	0	0	0	0	0	13
3	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	phòng	0	0	0	0	0	13
4	Phòng học bộ môn công nghệ	phòng	4	4	0	0	0	14
5	Phòng học bộ môn Tin học	phòng	52	49	3	0	0	16
6	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	phòng	27	26	1	0	0	14
7	Phòng đa chức năng	phòng	5	5	0	0	0	12
8	Phòng học môn Vật lý	phòng	26	26	0	0	0	3
9	Phòng học môn Hóa học	phòng	25	25	0	0	0	3
10	Phòng học môn Sinh học	phòng	23	23	0	0	0	5
II	Khối phòng hỗ trợ học tập		1.698	1.658	97,6			
1	Thư viện	phòng	39	29	9	1	0	6

	2	Phòng thiết bị giáo dục	phòng	32	32	0	0	0	0	10
	3	Phòng tư vấn học đường	phòng	14	14	0	0	0	0	11
	4	Phòng truyền thống	phòng	24	24	0	0	0	0	2
	5	Phòng Đoàn, Đội	phòng	23	23	0	0	0	0	3
III	Khối hành chính quản trị		phòng	1.830	1.780	97,3				
	1	Phòng Hiệu trưởng	phòng	27	26	1	0	0	0	1
	2	Phòng Phó Hiệu trưởng	phòng	54	50	4	0	0	0	2
	3	Văn phòng	phòng	42	41	1	0	0	0	2
	4	Phòng bảo vệ	phòng	29	28	1	0	0	0	2
	5	Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên	khu	57	55	2	0	0	0	3
	6	Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên	khu	34	31	3	0	0	0	7
IV	Khối phụ trợ			243	231	95,1				
	1	Phòng họp toàn thể CB, GV, NV nhà trường	phòng	27	26	1	0	0	0	4
	2	Phòng các tổ chuyên môn	phòng	140	120	20	0	0	0	20
	3	Phòng Y tế trường học	phòng	16	12	4	0	0	0	10
	4	Nhà kho	nhà	20	15	5	0	0	0	11
	5	Khu để xe học sinh	khu	64	50	14	0	0	0	11
	6	Khu vệ sinh học sinh	khu	76	73	3	0	0	0	11
	7	Cộng, hàng rào	hạng mục	32	31	1	0	0	0	0
V	Khu sân chơi, thể dục thể thao			375	327	87,2				
	1	Sân chơi chung	sân	35	31	4	0	0	0	3
	2	Sân thể dục thể thao	sân	25	21	4	0	0	0	9
VI	Khối phục vụ sinh hoạt			60	52	86,7				
	1	Nhà bếp	nhà	10	7	2	1	0	0	3
	2	Kho bếp	kho	4	4	0	0	0	0	3
	3	Nhà ăn	phòng	6	3	3	0	0	0	5
	4	Nhà ở nội trú học sinh	nhà	1	1	0	0	0	0	1
	5	Phòng quản lý học sinh	phòng	1	1	0	0	0	0	7
	6	Phòng sinh hoạt chung	phòng	2	2	0	0	0	0	6
VII	Hạng mục khác			24	18	75,0				
	1	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội	phòng	1	1	0	0	0	0	15
	2	Phòng nghỉ giáo viên	phòng	5	5	0	0	0	0	19
	3	Phòng giáo viên	phòng	10	10	0	0	0	0	14

4	Nhà đa năng		nhà	6	6	0	0	0	12
5	Nhà văn hóa		nhà	22	22	100,0	0	0	12

QUỐC HỘI KHÓA XV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH HƯNG YÊN

PHỤ LỤC 5: THIẾT BỊ DẠY HỌC CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CÔNG LẬP TỪ NĂM HỌC 2018-2019 ĐẾN NĂM HỌC 2021-2022
(Kèm theo Báo cáo số 08 /BC-ĐDBQH ngày 02 /02/2023 của Đoàn ĐBQH tỉnh Hưng Yên)

TT	Nội dung	Tổng số	Tiểu học			THCS			THPT		
			Số bộ hiện có	Số bộ cần bổ sung	Tỷ lệ đáp ứng (%)	Số bộ hiện có	Số bộ cần bổ sung	Tỷ lệ đáp ứng (%)	Số bộ hiện có	Số bộ cần bổ sung	Tỷ lệ đáp ứng (%)
1	TP Hưng Yên	4515	3604	1505	69	911	923	68			
2	Huyện Tiên Lữ	330	270	0	100	60		100			
3	Huyện Phù Cù	400	304	116	72	96	31	75			
4	Huyện Kim Động	3.162	142	212	40	3.020	3.740	45			
5	Huyện Ân Thi	274	146	213	36	51	73	26			
6	Huyện Yên Mỹ	107	105	339	24	2	33	6			
7	TX Mỹ Hào	28	14	14	70	14	14	70			
8	Huyện Văn Lâm										
9	Huyện Văn Giang	2.631	2.431	475	85	209	86	59			
10	Huyện Khoái Châu	468	120	432	24	348	175	54			
	THPT								5.942	1.669	60
	Cộng	11.915	7.136	3.306	52	4.711	5.075	50	5.942	1.669	60

QUỐC HỘI KHÓA XV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH HƯNG YÊN

PHỤ LỤC 5: THIẾT BỊ DẠY HỌC CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CÔNG LẬP TỪ NĂM HỌC 2018-2019 ĐẾN NĂM HỌC 2021-2022

(Kèm theo Báo cáo số 08 /BC-ĐDBQH ngày 08 /04/2023 của Đoàn ĐBQH tỉnh Hưng Yên)

TT	Nội dung	Tổng số	Tiêu học			THCS			THPT		
			Số bộ hiện có	Số bộ cần bổ sung	Tỷ lệ đáp ứng (%)	Số bộ hiện có	Số bộ cần bổ sung	Tỷ lệ đáp ứng (%)	Số bộ hiện có	Số bộ cần bổ sung	Tỷ lệ đáp ứng (%)
1	THPT Hưng Yên							352	0	100%	
2	THPT Chuyên HY							776	200	80%	
3	THPT Tiên Lữ							300	30	91%	
4	THCS&THPT Hoàng Hoa Thám					227	68	279	84	77%	
5	THPT Trần Hưng Đạo							50	50	50%	
6	THPT Phù Cừ							294	22	93%	
7	THPT Nam Phù Cừ							218	13	95%	
8	THPT Kim Động							660	90	88%	
9	THPT Đức Hợp							0	0	0%	
10	THPT Nghĩa Dân							166	88	65%	
11	THPT Ân Thi							283	29	91%	
12	THPT Phạm Ngũ Lão							207	200	51%	
13	THPT Nguyễn Trung Ngạn							511	71	88%	
14	THPT Yên Mỹ							0	0	0%	
15	THPT Triệu Quang Phục							0	0	0%	
16	THPT Minh Châu							0	0	0%	
17	THPT Mỹ Hào							450	150	75%	
18	THPT Nguyễn Thiện Thuật							90	80	53%	

19	THPT Văn Lâm																		166	88	65%
20	THPT Trung Vương																		117	30	80%
21	THPT Văn Giang																		166	88	65%
22	THPT Dương Quang Hàm																		405	105	79%
23	THPT Khoái Châu																		105	100	51%
24	THPT Nguyễn Siêu																		348	152	70%
25	THPT Trần Quang Khải																		0	0	0%
	Cộng																		5942	1669	60%

